

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: VNĐ

**I. NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1. Hình thức sở hữu:**

- Công ty Công nghiệp TNHH Tung Kuang được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép đầu tư số 472033000244 ngày 05 tháng 04 năm 1995 do Ban Quản lý Khu công nghiệp Nông Nghiệp cấp và các Giấy phép nhiều lần thay đổi sau:
- Ngày 12 tháng 01 năm 1998, Công ty Công nghiệp TNHH Tung Kuang thành lập Chi nhánh Công ty Công nghiệp TNHH Tung Kuang tại Tổ 13; Phường Cách Mạng Tháng Tám, Quận Cẩm Lệ Tp. Đà Nẵng;
- Ngày 10 tháng 06 năm 2002, Công ty Công nghiệp TNHH Tung Kuang thành lập Chi nhánh Công ty Công nghiệp TNHH Tung Kuang tại Hải Đông Xã Cẩm Phúc, Huyện Cẩm Giang, Tỉnh Hải Đông.
- Ngày 09 tháng 08 năm 2005, Công ty Công nghiệp TNHH Tung Kuang chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Công nghiệp Tung Kuang;
- Ngày 18 tháng 09 năm 2007, Công ty Cổ phần Công nghiệp Tung Kuang thành lập Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghiệp Tung Kuang tại Khu công nghiệp Nhân Trạch I, Huyện Nhân Trạch, Tỉnh Nông Nghiệp.
- Tổng số công ty con:
 

+ Số công ty con được hợp nhất	1
+ Số công ty con không được hợp nhất	0
- Thông tin của Công ty con được hợp nhất
  - + Tên Công ty: Công ty TNHH Tung Yang là công ty 100% vốn nước ngoài được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép đầu tư số 35/GP-HD ngày 02 tháng 10 năm 2003 và Giấy phép nhiều lần thay đổi số 35/GPNC1-HD ngày 04 tháng 03 năm 2005 do Ủy Ban nhân dân tỉnh Hải Đông cấp.
  - + Nhà máy Xã Cẩm Phúc, Huyện Cẩm Giang, Tỉnh Hải Đông.
  - + Tỷ lệ lợi ích của Công ty Mẹ: 80,00%
  - + Quyền biểu quyết của Công ty Mẹ: 80,00%

**2. Lĩnh vực kinh doanh:**

- Sản xuất các sản phẩm nhôm.

**3. Ngành nghề kinh doanh:**

- Sản xuất các sản phẩm nhôm dùng để làm thanh nhôm, ống nhôm, lá nhôm, lõi nhôm và các thiết bị khác để phục vụ cho các ngành công nghiệp nhôm;
- Sản xuất các phụ kiện nhôm phục vụ lắp đặt các sản phẩm nhôm: sợi thủy tinh, bánh xe trượt băng nhôm, tay nắm nhôm và các loại khác;
- Các sản phẩm nhôm phụ kiện nhôm dùng trong lĩnh vực y tế (gậy nhôm cho người tàn tật, xe lăn, giường bệnh viện, tủ thuốc); các sản phẩm nhôm phụ kiện nhôm dùng trong lĩnh vực thể thao (xe đạp thể thao, xe đạp nhôm, xe đạp nhôm, vợt tennis và các thiết bị khác); xử lý bề mặt các sản phẩm nhôm kim loại nhôm (sơn tĩnh điện).
- Thiết kế khuôn mẫu, sản xuất, gia công và lắp đặt các khuôn mẫu kim loại.

**4. Nội dung hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính:****5. Nhân sự:**

- Tổng số công nhân viên: 788 người.

**II. KÝ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TRẢ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: VNĐ

## 1. Kỳ kế toán:

- Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 hàng năm;

## 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

- Đồng Việt Nam là đơn vị tiền tệ sử dụng làm đơn vị tiền tệ ghi sổ kế toán.

## III. CHUẨN MỐC VÀ CẾNH NỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng:

- Công ty áp dụng hệ thống kế toán Việt Nam theo Bộ Tài Chính ban hành theo QN\_15/2006/QN-BTC ngày 20/03/2006.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

- Ban Giám đốc đã tuân thủ các nguyên tắc của các chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng như các qui định của chế độ kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất.

### 3. Hình thức kế toán áp dụng:

- Chứng từ ghi sổ

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

- Nguyên tắc xác định các khoản tổng nợ tổng tiền;
- Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các khoản tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán.
  - + Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh.
  - + Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền, phải thu, phải trả có ngoại tệ được nhân giá trị theo tỷ giá ngân hàng tại 31/12/2008: 16.977 VNĐ/USD. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh.

### 2. Chính sách kế toán nội với hàng tồn kho:

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Giá vốn thực tế
- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền;
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kế toán theo dõi;
- Phương pháp lập đối chứng giảm giá trị hàng tồn kho.

### 3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định:

- Nguyên tắc ghi nhận: Nguyên giá TSCĐ bao gồm giá mua và chi phí có liên quan đến việc đưa TSCĐ vào hoạt động.
- Phương pháp khấu hao TSCĐ HHH, TSCĐ VH: theo phương pháp khấu hao theo tháng phù hợp với Quyết định 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài Chính Việt Nam.

Nội dung	Năm sử dụng
Nhà xưởng, vật kiến trúc	7 - 25
Máy móc thiết bị	7 - 10
Phông tiền văn tài, truyền dẫn	5 - 8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	4 - 8

### 4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Bất động sản hữu形

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: VNĐ

**5. Kế toán các khoản lãi từ tài chính****6. Nguyên tắc ghi nhận vào vốn hóa các khoản chi phí lãi vay****7. Nguyên tắc ghi nhận vào vốn hóa các khoản chi phí khác**

- Chi phí trả trước dài hạn;
- + Công cụ, dụng cụ, Phí dịch vụ ISO và các khoản khác: Công cụ, dụng cụ nhà máy và sử dụng nước phải bỏ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp摊销 tháng;

**8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

- Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho hàng hóa - dịch vụ đã sử dụng trong kỳ hoặc được trích trước nhằm tránh gây bất lợi cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí;

**9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản đối phòng phải trả****10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu****11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:**

- Doanh thu bán hàng: Doanh thu được ghi nhận khi Đơn vị có được lợi ích kinh tế từ việc giao dịch bán hàng và số tiền thu về được xác định tổng thể chắc chắn. Tại thời điểm ghi nhận doanh thu Đơn vị phải hoàn thành việc chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm cho người mua, thời gian xác định được chi phí có liên quan;
- Doanh thu cung cấp dịch vụ: Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức hoàn thành công việc. Mức hoàn thành công việc được xác định theo tỷ lệ phần trăm của số giờ công lao động phải sinh cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán trên tổng số giờ công lao động ước tính cho mỗi hợp đồng. Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận;
- Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phải sinh trên cơ sở đơn tích (có tính đến lãi tức mất tại sản phẩm lãi) trở lại khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

**12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính****13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuê thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuê thu nhập doanh nghiệp hoãn lại****14. Các nghiệp vụ đối phòng rủi ro hoạt động****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****01. Tiền và các khoản tương đương tiền**

<b>Nội tổng</b>	<b>31/12/2008</b>	<b>01/01/2008</b>
<i>a) Tiền mặt</i>	674.348.120	352.000.747
- Công ty CP CN Tung Kuang	598.514.238	329.595.174
- Công ty TNHH Tung Yang	75.833.882	22.405.573
<i>b) Tiền gửi ngân hàng</i>	39.627.467.751	27.570.289.594
- Công ty CP CN Tung Kuang	37.852.397.493	20.674.185.386
- Công ty TNHH Tung Yang	1.775.070.258	6.896.104.208
<i>c) Tiền đang chuyển</i>	-	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: VNĐ

- Công ty CP CN Tung Kuang	-	-
- Công ty TNHH Tung Yang	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>40.301.815.871</b>	<b>27.922.290.341</b>
<b>02. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		
<b>Nội tổng</b>	<b>31/12/2008</b>	<b>01/01/2008</b>
a) <i>Phải thu khách hàng</i>	113.784.137.602	102.532.151.237
- Công ty CP CN Tung Kuang	99.940.324.560	95.976.472.238
- Công ty TNHH Tung Yang	13.843.813.042	6.555.678.999
b) <i>Trải trước cho người bán</i>	6.053.526.621	8.011.284.825
- Công ty CP CN Tung Kuang	6.003.553.621	7.841.385.270
- Công ty TNHH Tung Yang	49.973.000	169.899.555
c) <i>Phải thu nội bộ ngắn hạn</i>	-	-
d) <i>Các khoản phải thu khác</i>	5.741.915.670	4.901.143.754
- Công ty CP CN Tung Kuang	5.741.915.670	4.536.607.451
- Công ty TNHH Tung Yang	-	364.536.303
e) <i>Dôi phòng các khoản phải thu khó đòi (*)</i>	(442.100.000)	(442.100.000)
- Công ty CP CN Tung Kuang	(442.100.000)	(442.100.000)
- Công ty TNHH Tung Yang	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>125.137.479.893</b>	<b>115.002.479.816</b>
<b>03. Hàng tồn kho</b>		
<b>Nội tổng</b>	<b>31/12/2008</b>	<b>01/01/2008</b>
a) <i>Hàng mua nằm nê trên nêông</i>	2.731.661.932	341.972.024
- Công ty CP CN Tung Kuang	2.725.912.132	136.872.000
- Công ty TNHH Tung Yang	5.749.800	205.100.024
b) <i>Nguyên liệu, vật liệu</i>	80.002.102.680	41.858.112.023
- Công ty CP CN Tung Kuang	74.237.015.326	38.716.060.179
- Công ty TNHH Tung Yang	5.765.087.354	3.142.051.844
c) <i>Công cụ, dụng cụ</i>	1.073.808.001	665.539.598
- Công ty CP CN Tung Kuang	1.073.808.001	183.198.733
- Công ty TNHH Tung Yang	-	482.340.865
d) <i>Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang</i>	39.747.019.027	29.973.769.265
- Công ty CP CN Tung Kuang	37.425.548.573	28.648.447.460
- Công ty TNHH Tung Yang	2.321.470.454	1.325.321.805
e) <i>Thành phẩm</i>	56.304.310.780	44.588.041.360
- Công ty CP CN Tung Kuang	52.330.243.660	42.084.448.458
- Công ty TNHH Tung Yang	3.974.067.120	2.503.592.902
f) <i>Hàng hóa</i>	2.340.448.635	2.236.838.992

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: VNĐ

- Công ty CP CN Tung Kuang	2.340.448.635	2.236.838.992
- Công ty TNHH Tung Yang	-	-
g) <i>Nhiều chênh lệch nhuận chưa thực hiện</i>	<i>(672.125.304)</i>	<i>(2.236.838.995)</i>
<b>Tổng cộng giá trị hàng tồn kho</b>	<b>181.527.225.751</b>	<b>117.427.434.267</b>

**04. Tài sản ngắn hạn khác****4.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

<b>Nội tổng</b>	<b>31/12/2008</b>	<b>01/01/2008</b>
- Công ty CP CN Tung Kuang	2.745.830.169	1.300.094.155
- Công ty TNHH Tung Yang	64.412.609	46.025.295
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.810.242.778</b>	<b>1.346.119.450</b>

**4.2 Thuế GTGT nộp trước**

<b>Nội tổng</b>	<b>31/12/2008</b>	<b>01/01/2008</b>
- Công ty CP CN Tung Kuang	739.953.517	-
- Công ty TNHH Tung Yang	1.362.737.475	418.318.995
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.102.690.992</b>	<b>418.318.995</b>

**4.3 Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

<b>Nội tổng</b>	<b>31/12/2008</b>	<b>01/01/2008</b>
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp trước	321.083.162	3.534.873.543
+ Công ty CP CN Tung Kuang	321.083.162	3.534.873.543
- Các khoản khác phải thu Nhà nước	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>321.083.162</b>	<b>3.534.873.543</b>

**4.4 Tài sản ngắn hạn khác**

<b>Nội tổng</b>	<b>31/12/2008</b>	<b>01/01/2008</b>
a) <i>Tài sản thiếu chờ xử lý</i>	-	-
b) <i>Tạm ứng</i>	<i>464.426.146</i>	<i>597.262.186</i>
- Công ty CP CN Tung Kuang	428.926.146	392.626.066
- Công ty TNHH Tung Yang	35.500.000	204.636.120
c) <i>Ký quỹ ký cược ngắn hạn</i>	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>464.426.146</b>	<b>597.262.186</b>

**05. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc**

<b>Nội tổng</b>	<b>31/12/2008</b>	<b>01/01/2008</b>
+ Công ty CP CN Tung Kuang - CN Hải Đông	-	-
+ Công ty CP CN Tung Kuang - CN Nhân Trạch	-	34.053.874.652
<b>Tổng cộng</b>	<b>-</b>	<b>34.053.874.652</b>

**06. Tăng, giảm tài sản có hình hữu hình**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: VNĐ

Khoản mục	Nhà cung, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bò	Phông tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>Nguyên giá TSCNH</b>					
- Tài 01/01/2008	76.348.991.201	238.021.479.021	7.224.719.298	4.044.606.957	325.639.796.477
+ Mua trong kỳ	1.946.307.573	36.838.505.918	950.660.000	79.858.182	39.815.331.673
+ Nhập từ XDCBHT	5856366243	38.872.270.979	-	-	44.728.637.222
+ Tặng khác	23.169.253.065	6.025.774.789	396.063.000	-	29.591.090.854
+ Thanh lý nhôông	-	-	(537.000.355)	-	(537.000.355)
- Tài 31/12/2008	107.320.918.082	319.758.030.707	8.034.441.943	4.124.465.139	439.237.855.871
<b>Giá trị hao mòn lũy</b>					
- Tài 01/01/2008	18.811.274.560	139.418.283.637	3.543.078.218	3.033.405.401	164.806.041.816
+ Khấu hao	5.053.895.244	22.141.182.443	771.876.099	262.199.077	28.229.152.864
+ Thanh lý nhôông	-	-	(293.066.562)	-	(293.066.562)
- Tài 31/12/2008	23.865.169.804	161.559.466.080	4.021.887.755	3.295.604.478	192.742.128.118
<b>Giá trị còn lại của TSCNH</b>					
- Tài 01/01/2008	57.537.716.641	98.603.195.384	3.681.641.080	1.011.201.556	160.833.754.661
- Tài 31/12/2008	83.455.748.278	158.198.564.627	4.012.554.188	828.860.661	246.495.727.753
- Nguyên giá của TSCNH đã dùng để thế chấp, cầm cố và năm báo cáo khoản vay:					-
- Nguyên giá TSCNH cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại Đơn vị:					85.401.387.337

**07. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Nội tổng	31/12/2008	01/01/2008
- Công ty CP CN Tung Kuang	10.596.544.667	23.908.956.941
- Công ty TNHH Tung Yang	-	6.782.527.622
<b>Tổng cộng</b>	<b>10.596.544.667</b>	<b>30.691.484.563</b>

**08. Chi phí trả trước dài hạn**

Nội tổng	31/12/2008	01/01/2008
- Công ty CP CN Tung Kuang	7.102.226.570	9.913.743.181
- Công ty TNHH Tung Yang	4.998.429.819	178.347.807
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>12.100.656.389</b>	<b>10.092.090.988</b>

**09. Nợ ngắn hạn****9.1 Vay và nợ ngắn hạn**

Nội tổng	31/12/2008	01/01/2008
a) Vay ngắn hạn	281.812.278.843	209.620.362.861
- Công ty CP CN Tung Kuang	281.812.278.843	209.620.362.861
b) Nợ dài hạn nên hạn trả	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>281.812.278.843</b>	<b>209.620.362.861</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: VNĐ

**9.2 Phải trả cho người bán & Người mua trả tiền trước**

<b>Nội tổng</b>	<b>31/12/2008</b>	<b>01/01/2008</b>
<i>a) Phải trả cho người bán</i>	<i>76.898.195.349</i>	<i>34.444.814.924</i>
- Công ty CP CN Tung Kuang	59.028.439.896	19.581.370.265
- Công ty TNHH Tung Yang	17.869.755.453	14.863.444.659
<i>b) Người mua trả tiền trước</i>	<i>10.709.376.051</i>	<i>4.096.743.128</i>
- Công ty CP CN Tung Kuang	8.910.163.158	487.183.531
- Công ty TNHH Tung Yang	1.799.212.893	3.609.559.597
<b>Tổng cộng</b>	<b>87.607.571.400</b>	<b>38.541.558.052</b>

**9.3 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

<b>Nội tổng</b>	<b>31/12/2008</b>	<b>01/01/2008</b>
- Thuế GTGT	3.034.435.620	1.960.636.992
+ Công ty CP CN Tung Kuang	3.032.753.512	1.960.636.992
+ Công ty TNHH Tung Yang	1.682.108	-
- Thuế xuất khẩu, nhập khẩu	1.269.831.975	621.835.234
+ Công ty CP CN Tung Kuang	26.484.546	80.726.628
+ Công ty TNHH Tung Yang	1.243.347.429	541.108.606
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
- Thuế thu nhập cá nhân	123.401.926	75.985.089
+ Công ty CP CN Tung Kuang	119.308.176	72.492.731
+ Công ty TNHH Tung Yang	4.093.750	3.492.358
- Các loại thuế khác	114.552.736	483.563.820
+ Công ty CP CN Tung Kuang	114.552.736	483.563.820
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.542.222.257</b>	<b>3.142.021.135</b>

**9.4 Các khoản phải trả phải nộp khác**

<b>Nội tổng</b>	<b>31/12/2008</b>	<b>01/01/2008</b>
- Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế	13.937.840	163.162.350
+ Công ty CP CN Tung Kuang	13.937.840	107.907.590
+ Công ty TNHH Tung Yang	-	55.254.760
- Kinh phí công đoàn	954.440	1.393.580
+ Công ty CP CN Tung Kuang	-	485.000
+ Công ty TNHH Tung Yang	954.440	908.580
- Các khoản phải trả phải nộp khác	4.467.197.143	110.881.813
+ Công ty CP CN Tung Kuang	4.304.691.982	59.722.993
+ Công ty TNHH Tung Yang	162.505.161	51.158.820
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.482.089.423</b>	<b>275.437.743</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: VNĐ

**10. Vay và nợ dài hạn**

<b>Nội tổng</b>	<b>31/12/2008</b>	<b>01/01/2008</b>
<i>a) Vay dài hạn</i>	<i>3.371.928.722</i>	<i>6.882.750.000</i>
- Vay ngân hàng	3.371.928.722	6.882.750.000
+ Công ty CP CN Tung Kuang	-	6.042.750.000
+ Công ty TNHH Tung Yang (*)	3.371.928.722	840.000.000
<i>b) Nợ dài hạn</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.371.928.722</b>	<b>6.882.750.000</b>

(\*): Hợp đồng tín dụng số CFHNL-C/M/0027/09/2007 ngày 03/10/2007 với lãi suất lãi 10,5%/năm. Ngày trả lãi 03/10/2012. Mục đích vay lãi bổ sung vốn xây dựng xó ông sản xuất.

**11. Vốn chủ sở hữu***a) Bảng nội chiểu biến động của vốn chủ sở hữu*

<b>Khoản mục</b>	<b>Vốn đầu tư chủ sở hữu</b>	<b>Chech lệch tỷ giá hối đoái</b>	<b>Cải Quy định Doanh nghiệp</b>	<b>Lãi nhuận chờ phân phối</b>	<b>Tổng cộng</b>
<b>- Tại 01/01/2007</b>	<b>199.220.651.767</b>	<b>-</b>	<b>4.302.027.637</b>	<b>24.384.914.151</b>	<b>227.907.593.555</b>
+ Tăng vốn	12.779.348.233	-	-	-	12.779.348.233
+ Lãi năm trước	-	-	-	20.487.512.480	20.487.512.480
+ Tăng khác	-	940.643.784	4.419.839.571	278.286.456	5.638.769.811
+ Giảm vốn	-	-	-	-	-
+ Giảm khác	-	(940.643.784)	-	(27.866.555.811)	(28.807.199.595)
<b>- Tại 31/12/2007</b>	<b>212.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>8.721.867.208</b>	<b>17.284.157.276</b>	<b>238.006.024.484</b>
+ Tăng vốn	-	-	-	-	-
+ Lãi kỳ nay	-	-	-	(7.565.501.335)	(7.565.501.335)
+ Tăng khác	-	3.383.777.993	4.097.502.496	3.532.349.937	11.013.630.426
+ Giảm vốn	-	-	-	-	-
+ Lợi kỳ nay	-	(3.383.777.993)	-	-	(3.383.777.993)
+ Trích quỹ NTPT	-	-	-	(2.048.751.248)	(2.048.751.248)
+ Trích quỹ DPTC	-	-	-	(1.024.375.624)	(1.024.375.624)
+ Trích quỹ khác	-	-	-	(1.024.375.624)	(1.024.375.624)
+ Trích quỹ KTPL	-	-	-	(1.024.375.624)	(1.024.375.624)
+ Coát cổ phải trả	-	-	-	(9.961.032.500)	(9.961.032.500)
+ Thuế TNDN phải	-	-	-	(4.564.337.632)	(4.564.337.632)
+ Giảm khác (*)	-	-	-	(244.664.217)	(244.664.217)
<b>- Tại 31/12/2008</b>	<b>212.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>12.819.369.704</b>	<b>(6.640.906.591)</b>	<b>218.178.463.113</b>

*b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu*



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: VNĐ

Nội tổng	Tỷ lệ	Theo Giấy phép nấu to	Nguồn góp	Còn phải góp
- Vốn góp của các nội tổng khác		212.000.000.000	212.000.000.000	-
+ Rich International L.L.C	76,03%	161.187.760.000	161.187.760.000	-
+ Ông Tsan Hsun Lin	2,03%	4.307.200.000	4.307.200.000	-
+ Ông Jan Chun Shion	1,31%	2.786.470.000	2.786.470.000	-
+ Ông Liu Chen Hung	3,05%	6.474.460.000	6.474.460.000	-
+ Bà Hsu Shu Hui	1,31%	2.786.470.000	2.786.470.000	-
+ Ông Liu Chen Lin	0,77%	1.639.100.000	1.639.100.000	-
+ Các công nợ khác	15,48%	32.818.540.000	32.818.540.000	-
<b>Cộng Vốn nấu to của CSH</b>	<b>100,00%</b>	<b>212.000.000.000</b>	<b>212.000.000.000</b>	<b>-</b>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

Nội tổng	Năm 2008	Năm 2007
- Vốn nấu to của các chủ sở hữu		
+ Vốn góp nấu năm	212.000.000.000	199.220.651.767
+ Vốn góp tăng trong năm	-	12.779.348.233
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	212.000.000.000	212.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	6.589.299.000	16.391.045.184

d) Cổ tức

e) Cổ phiếu

Nội tổng	31/12/2008	01/01/2008
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	21.200.000	21.200.000
+ Cổ phiếu phổ thông	21.200.000	21.200.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	21.200.000	21.200.000
+ Cổ phiếu phổ thông	21.200.000	21.200.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000

f) Các quy định của doanh nghiệp

Nội tổng	31/12/2008	01/01/2008
- Quy định nấu to phát triển	8.580.104.274	6.531.353.026
- Quy định phòng tài chính	2.119.632.715	1.095.257.091
- Quy định khác thuộc vốn chủ sở hữu	2.119.632.715	1.095.257.091

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: VNĐ

**01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

<b>Nội tổng</b>	<b>Năm 2008</b>	<b>Năm 2007</b>
<i>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	<i>787.115.851.302</i>	<i>704.078.519.370</i>
- Doanh thu bán hàng	812.080.192.680	712.792.135.146
+ Công ty CP CN Tung Kuang	740.150.809.341	674.480.583.727
+ Công ty TNHH Tung Yang	71.929.383.339	38.311.551.419
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	40.695.168.777	34.002.468.816
+ Công ty CP CN Tung Kuang	37.583.667.996	30.005.615.608
+ Công ty TNHH Tung Yang	3.111.500.781	3.996.853.208
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	2.976.964.520	-
Doanh thu hợp đồng xây dựng không ghi nhận trong kỳ	2.976.964.520	-
+ Công ty CP CN Tung Kuang	-	-
+ Công ty TNHH Tung Yang	2.976.964.520	-
- Nhiều chênh lệch giao dịch nội bộ	(68.636.474.675)	(42.716.084.592)
<i>Các khoản giảm trừ doanh thu</i>	<i>680.447.623</i>	<i>49</i>
- Hàng bán bị trả lại	680.447.623	49
+ Công ty CP CN Tung Kuang	-	-
+ Công ty TNHH Tung Yang	680.447.623	49
<i>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	<i>786.435.403.679</i>	<i>704.078.519.321</i>

**02. Doanh thu hoạt động tài chính**

<b>Nội tổng</b>	<b>Năm 2008</b>	<b>Năm 2007</b>
- Lợi tiền gửi, tiền cho vay	585.018.911	384.169.815
+ Công ty CP CN Tung Kuang	563.458.406	362.703.306
+ Công ty TNHH Tung Yang	21.560.505	21.466.509
- Lợi từ tài sản, quyền, tín phiếu	27.010.416	-
+ Công ty CP CN Tung Kuang	27.010.416	-
+ Công ty TNHH Tung Yang	-	-
- Lợi chênh lệch tỷ giá hối đoái	4.435.427.490	1.455.846.435
+ Công ty CP CN Tung Kuang	2.557.609.920	1.348.899.546
+ Công ty TNHH Tung Yang	1.877.817.570	106.946.889
- Lợi chênh lệch tỷ giá hối đoái	264.377.903	38.641.428
+ Công ty CP CN Tung Kuang	83.909.133	-
+ Công ty TNHH Tung Yang	180.468.770	38.641.428
<b>Tổng cộng</b>	<b>5.311.834.720</b>	<b>1.878.657.678</b>

**03. Giá vốn hàng bán**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: VNĐ

Nội tổng	Năm 2008	Năm 2007
- Giá vốn của hàng hóa bán	3.112.583.404	888.322.346
+ Công ty CP CN Tung Kuang	736.742.572	888.322.346
+ Công ty TNHH Tung Yang	2.375.840.832	-
- Giá vốn của thành phẩm bán	734.036.329.935	657.324.079.824
+ Công ty CP CN Tung Kuang	664.506.303.171	617.134.602.672
+ Công ty TNHH Tung Yang	69.530.026.764	40.189.477.152
- Giá vốn của dịch vụ khác cung cấp	41.310.687.813	24.855.094.526
+ Công ty CP CN Tung Kuang	38.783.086.046	22.277.297.956
+ Công ty TNHH Tung Yang	2.527.601.767	2.577.796.570
- Giá vốn hợp đồng xây dựng	1.683.334.244	-
+ Công ty TNHH Tung Yang	1.683.334.244	-
- Hao hụt, mất mát hàng tồn kho	68.249.881	-
+ Công ty CP CN Tung Kuang	9.286.809	-
+ Công ty TNHH Tung Yang	58.963.072	-
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	5.717.014.145	-
+ Công ty CP CN Tung Kuang	5.404.946.540	-
+ Công ty TNHH Tung Yang	312.067.605	-
- Nhiều chênh lệch giao dịch nội bộ	(71.866.832.704)	(42.716.084.592)
- Nhiều chênh lệch giá vốn, giảm lỗ nhuận chưa thực hiện	-	2.236.838.995
<b>Tổng cộng</b>	<b>714.061.366.718</b>	<b>642.588.251.099</b>

**04. Chi phí tài chính**

Nội tổng	Năm 2008	Năm 2007
- Lãi tiền vay	13.993.338.834	14.558.884.007
+ Công ty CP CN Tung Kuang	13.715.839.699	14.540.509.007
+ Công ty TNHH Tung Yang	277.499.135	18.375.000
- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái thực hiện	16.911.292.867	1.277.463.325
+ Công ty CP CN Tung Kuang	16.911.292.867	1.125.835.762
+ Công ty TNHH Tung Yang	-	151.627.563
- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	7.658.349.887	54.882.584
+ Công ty CP CN Tung Kuang	5.635.433.322	-
+ Công ty TNHH Tung Yang	2.022.916.565	54.882.584
- Dự phòng giảm giá các khoản phải thu ngắn hạn, dài hạn	8.736.574.836	-
+ Công ty CP CN Tung Kuang	8.736.574.836	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>47.299.556.424</b>	<b>15.891.229.916</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: VNĐ

**05. Thu nhập khác**

Nội tổng	Năm 2008	Năm 2007
- Công ty CP CN Tung Kuang	6.030.419.763	4.423.938.801
- Công ty TNHH Tung Yang	2.158.186.077	2.706.977.615
- Nhiều chênh lệch giao dịch nội bộ	(1.665.644.338)	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>6.522.961.502</b>	<b>7.130.916.416</b>

**06. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Nội tổng	Năm 2008	Năm 2007
- Công ty CP CN Tung Kuang	693.320.562	-
- Công ty TNHH Tung Yang	-	-
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>693.320.562</b>	<b>-</b>

**- Công ty CP CN Tung Kuang**

Khoản Thuế TNDN được giảm theo Công văn số 11924/TC-CST ngày 20 tháng 10 năm 2004 và Công văn số 5248/TC-CST ngày 29 tháng 04 năm 2005 của Bộ tài chính về ưu đãi thuế TNDN đối với các công ty mới thành lập trong lĩnh vực công nghiệp. Đơn vị được chính thức chấp nhận bằng ký hiệu giao dịch có phiếu theo Quyết định số 11/QĐ-TTGDHN ngày 21 tháng 04 năm 2006.

**- Công ty CP CN Tung Kuang - CN Hải Đông**

Thuế suất T.TNDN là 15% trong 12 năm tính đến hết ngày 10 tháng 06 năm 2013; và 25% kể từ 10/06/2013 đến hết 05/04/2045. Sau thời hạn trên, Chi nhánh thực hiện theo quy định tại thời điểm nộp thuế.

Chi nhánh được miễn T.TNDN trong vòng 04 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi là năm 2005 đến hết năm 2008 và giảm 50% T.TNDN trong 04 năm tiếp theo từ năm 2009 đến năm 2012.

**- Công ty CP CN Tung Kuang - CN Nhân Trạch**

+ Thuế suất T.TNDN là 15% trong 12 năm tính kể từ năm 2008. Sau thời hạn trên, Chi nhánh thực hiện theo quy định tại thời điểm nộp thuế.

+ Chi nhánh được miễn T.TNDN trong vòng 03 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi và giảm 50% T.TNDN trong 07 năm tiếp theo.

**- Công ty TNHH Tung Yang**

Công ty được miễn Thuế TNDN trong 04 năm kể từ khi kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 04 năm tiếp theo theo Nghị định 164/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003. Sau khi hết thời hạn miễn, giảm thuế Công ty công khai và nộp Thuế TNDN với mức thuế suất 10% trên tổng thu nhập chịu thuế trong suốt thời gian hoạt động.

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

- Những khoản nổi tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác
- Những số liệu phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm
- Thông tin về các bên liên quan

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: VNĐ

*Trong năm 2008, đơn vị có công nghiệp vui với các bên liên quan:***a) Phải trả**

<b>Nội tổng</b>	<b>Tại 01/01/2008</b>	<b>Phải trả trong kỳ</b>	<b>Nợ trả trong kỳ</b>	<b>Tại 31/12/2008</b>
<b>- Bloomy International L.L.C</b>	<b>6.267.702.734</b>	<b>8.232.997.975</b>	<b>10.864.875.845</b>	<b>3.635.824.864</b>
<b>+ Phí sử dụng nhãn hiệu</b>	<b>6.267.702.734</b>	<b>8.232.997.975</b>	<b>10.864.875.845</b>	<b>3.635.824.864</b>

4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo báo phân (theo lĩnh vực kinh doanh hoặc khu vực nhà lý) theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 "Báo cáo báo phân"

5. Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin trên Báo cáo tài chính của các kỳ kế toán trước)
- Số liệu so sánh năm 2008 được lấy từ Báo cáo tài chính năm 2007 của chi nhánh nhà nước kiểm toán bởi chi nhánh Cty Kiểm toán và dịch vụ tin học thành phố Hồ Chí Minh - AISC (nay là chi nhánh Cty TNHH Kiểm toán và dịch vụ tin học thành phố Hồ Chí Minh - AISC). Số liệu chất lượng so sánh tại ngày 01/01/2008 được phân loại lại cho phù hợp với nội dung khoản mục, cuối thể

<b>Nội dung</b>	<b>Báo cáo tài chính 31/12/2007</b>	<b>Báo cáo tài chính 01/01/2008</b>
- Chi phí XDCB dở dang	Chất lượng "Nguyên giá TSCN HH"	Chất lượng "XDCB dở dang"
- Số tiền	23.908.956.941	23.908.956.941

6. Thông tin về hoạt động liên tục

7. Những thông tin khác

*Biên Hòa, ngày 01 tháng 03 năm 2009***Kế toán trưởng****Tổng Giám đốc****LIU CHIEN HUNG****TSAN HSUN LIN**